

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 10 - 2022

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Tiến.

Bà Đặng Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2022, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2019; về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 07/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 160/2022/TBXXTA ngày 10/10/2022; giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1974; địa chỉ: TDP x phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú hiện nay: Số 10 Đ, TDP y, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1957; địa chỉ: TDP x phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú hiện nay: Số y đường L, xã L, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trương Văn B – Văn phòng luật sư C; địa chỉ: Số x đường T, TDP y, phường N, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2019, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy H và ông Nguyễn Xuân Q quen biết và tìm hiểu nhau từ năm 1999 và đi đến kết hôn năm 2003. Tại thời điểm kết hôn vì ông Q thường xuyên đi qua nước Cộng hòa Séc nên giấy đăng ký kết hôn được cấp tại Đại sứ quán Việt Nam ở Cộng hòa Séc. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì trầm trọng xảy ra, tuy nhiên sau một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế do ông Q tự ý bán một phần vốn góp là tài sản chung của vợ chồng để lấy tiền cất riêng, vợ chồng cũng đã nhiều lần ngồi lại cùng nhau nói chuyện và tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Đến nay thì tình cảm không còn và mâu thuẫn cũng không hòa giải được; vì vậy bà H xin được ly hôn ông Q. Tuy nhiên qua xác minh của Tòa án thì giấy kết hôn ông Q đưa cho bà H giữ là giấy giả, việc kết hôn là không có thật. Từ lúc chung sống đến nay bà H vẫn luôn nghĩ rằng bà và ông Q là vợ chồng hợp pháp; đề nghị Tòa án xác minh rõ giấy chứng nhận kết hôn giữa bà với ông Q là do ai làm giả? mục đích để làm gì? nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà. Nay bà H yêu cầu Tòa hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà với ông Nguyễn Xuân Q.

- Về con chung: Quá trình sống chung cùng ông Q có một con chung tên là Nguyễn Thành T, sinh ngày 23/12/2004. Hiện nay con chung đang ở cùng với bà H. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu Tòa án giải quyết mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Ngoài trách nhiệm nói trên buộc ông Q phải đóng góp $\frac{1}{2}$ các khoản chi phí học tập, sinh hoạt và các khoản chữa bệnh cho cháu T từ năm 2016 cho đến nay là 454.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà H thay đổi yêu cầu ông Q có trách nhiệm hỗ trợ khó khăn cho bà được bao nhiêu thì hỗ trợ ngay cho bà còn không thì thôi bà H cũng không tranh chấp.

- Về tài sản chung: Bà H yêu cầu Tòa án chia cổ phần vốn của Công ty TNHH V là 25.121.995.000 đồng (đã trừ hết các khoản nợ) cho mỗi người được sở hữu một nửa (50%) tương đương với trị giá 12.560.997.500 đồng. Do tình hình kinh doanh của Công ty V trong năm 2021 bị thua lỗ, tài sản bị Chi cục thi hành án dân sự thanh lý để trả nợ, số tiền còn lại khoản 3 tỷ đồng nên bà H thay đổi yêu cầu đề nghị giải quyết cho bà được hưởng $\frac{1}{2}$ là 1,5 tỷ đồng. Tại phiên tòa bà H rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản. Sau này nếu có tranh chấp không giải quyết được với nhau bà H yêu cầu giải quyết tranh chấp với các thành viên Công ty V bằng vụ kiện khác.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Xuân Q và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân Q và bà Lê Thị Thúy H đã có thời gian sống chung như vợ chồng có 01 con chung nhưng không phải là hôn nhân hợp pháp, hiện nay ông Q vẫn đang là vợ chồng hợp pháp với bà Nguyễn Thị Thu U (hai bên đã có đăng ký kết hôn tại UBND phường N vào ngày 21/3/1985 và cho đến nay vẫn chưa ly hôn) có đăng ký hộ khẩu ở phố T, phường L, quận Đ, Hà Nội. Tại thời điểm 2003 ông Q bà H đều cư trú tại Việt Nam, vì vậy không thể đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc; Giấy chứng nhận kết hôn mà

bà H đã cung cấp cho Tòa án là giấy chứng nhận kết hôn giả (chỉ là bản scan in màu), ông Q bà H sử dụng nhằm mục đích khai sinh cho cháu Nguyễn Thành T là con chung của ông và bà H. Nay bà H xin ly hôn ông Q cũng đồng ý và đề nghị Tòa tuyên ông và bà H không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Hai bên sống chung đã có một con chung tên là Nguyễn Thành T, sinh ngày 23/12/2004 như bà H đã trình bày. Ông Q đồng ý giao con cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo khả năng điều kiện cho phép của mình là 2.000.000 đồng/tháng. Hiện cháu đang bệnh tật, ông Q yêu cầu bà H để cho ông đưa cháu đi chữa bệnh khi có điều kiện. Trong thời gian hai người không sống chung ông Q vẫn giao tiền cho bà Hà nuôi con nhiều lần; nhưng ông Q tự nguyện hỗ trợ khó khăn cho bà Hà nuôi con trong thời gian qua số tiền 250.000.000 đồng, trước mắt ông cũng chưa có nguồn tiền để giao cho bà H, ông xin được giao trong thời hạn 1 năm kể từ nay cho đến tháng 11 năm 2023.

- Về tài sản chung: Toàn bộ số vốn của Công ty V có được là do vay mượn của Ngân hàng và các đối tác khác, ông Q và bà H chỉ góp công sức chứ không góp vốn, hiện nay Công ty đang đối mặt với các khoản nợ không có khả năng chi trả nên việc chị H yêu cầu chia 50% cổ phần công ty tương đương với trị giá 12.560.997.500 đồng là không có cơ sở nên ông không đồng ý. Tuy nhiên, bà Hà đã rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nên ông Q không có ý kiến gì thêm.

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã tuân theo theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên toà theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 5, 14, 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình xử không công nhận ông Nguyễn Xuân Q và bà Lê Thị Thúy H là vợ chồng. Giao cháu Nguyễn Thành T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử việc chia tài sản. Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thúy H, đây là vụ án hôn nhân gia đình về "tranh chấp yêu cầu không công nhận là vợ chồng, nuôi con chung, chia tài sản chung" quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. Đ nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy H và ông Nguyễn Xuân Q chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện. Quá trình sống chung ông Q có giao cho bà H giữ 01 giấy chứng nhận kết hôn số 30/03 Quyền số 01/2003 do Đại Sứ quán Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Praha CH Séc thực hiện đăng ký ngày 25/6/2003. Tuy nhiên, tại thời điểm đó bà H chưa hề xuất cảnh sang CH Séc hay ra nước ngoài, do không hiểu biết pháp luật về đăng ký kết hôn ở nước ngoài nên bà H tin là giấy chứng nhận kết hôn thật, không biết là giả.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh và được Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao trả lời: Đại sứ quán Việt Nam tại CH Séc cho biết qua tra cứu sổ đăng ký kết hôn năm 2003 lưu tại ĐSQ không có tên ông Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 15/01/1957 và bà Lê Thị Thúy H, sinh ngày 13/01/1974. Tra cứu tại Phòng Lãnh sự, ĐSQ đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30/03 Quyền số 01/2003 đăng ký ngày 25/6/2003 cho ông Nguyễn Đức H, sinh ngày 03/02/1964 và bà Lê Thị Thúy C, sinh ngày 01/01/1970. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giấy chứng nhận kết hôn giữa ông Quang là giấy tờ giả. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý. Ông Q bà H sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Mặt khác, ông Nguyễn Xuân Q hiện nay ông đang là vợ chồng hợp pháp với bà Nguyễn Thị Thu U có đăng ký hộ khẩu ở phố T, phường L, quận Đ, Hà Nội và giao nộp cho Tòa án Trích lục kết hôn do Quận Hai Bà Trưng cấp bản sao ngày 20/02/2017, theo đó đã đăng ký kết hôn số 215 ngày 21/3/1985 tại phường N, Quận H và cho đến nay vẫn chưa ly hôn. Ông Quang là người đang có vợ mà chung sống như vợ chồng với bà H là đã vi phạm điều cấm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình; Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân gia đình.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Thúy H và ông Nguyễn Xuân Q.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà H và ông Q đều thống nhất 2 người sống chung có 01 con chung, cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 23/12/2004. Hiện nay con chung đang ở cùng bà H. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu Tòa án giải quyết mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông Q cũng đồng ý giao cho bà H nuôi con và ông có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con theo khả năng cho phép là 2.000.000 đồng/tháng. Ngày 08/7/2022 bà H có đơn yêu cầu bổ sung về việc buộc ông Q phải đóng góp $\frac{1}{2}$ khoản chi phí học tập, sinh hoạt và các

khoản khác cho cháu Trung từ năm 2016 cho đến nay là 454.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H thay đổi, yêu cầu ông Q có trách nhiệm hỗ trợ khó khăn cho bà được bao nhiêu thì hỗ trợ ngay cho bà còn không thì thôi bà H cũng không tranh chấp. Ông Q cũng đồng ý tự nguyện sẽ hỗ trợ khó khăn cho bà H số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn giao tiền là một năm kể từ ngày tuyên án và bà H cũng đồng ý; cần ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Thúy H rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và việc rút yêu cầu của bà H là tự nguyện nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của bà H.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Thúy H phải chịu án phí ly hôn, ông Nguyễn Xuân Q phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 5, 9, 14, 15, 16, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Thúy H và ông Nguyễn Xuân Q là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 23/12/2004 cho bà Lê Thị Thúy H được trực tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; ông Nguyễn Xuân Q phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ghi nhận sự thỏa thuận ông Nguyễn Xuân Q có trách nhiệm hỗ trợ khó khăn chi phí nuôi con trong những năm qua số tiền 250.000.000 đồng. Thời hạn giao tiền đủ tiền hỗ trợ chậm nhất đến ngày 30/11/2023.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền bà H phải nộp được khấu trừ từ số tiền 60.580.000 đồng tạm

ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/000897 ngày 29 tháng 5 năm 2019. Trả lại cho bà Hà số tiền 60.280.000 đồng. Ông Nguyễn Xuân Q phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ

5. Kiến nghị cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Hới điều tra xử lý hành vi làm giả tài liệu con dấu của cơ quan tổ chức và vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng của ông Nguyễn Xuân Q và bà Lê Thị Thúy H.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Sơn